TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 5 năm 2022
Về tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 399/2021/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2021, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 399/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 399/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 27/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 01 đường T, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1968, địa chỉ: Số K278/H01/17 đường T, phường X, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thư hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lê Văn D kết hôn vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà sống tại địa chỉ số K278/H01/17 đường T, tổ 55 phường X, quận K. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và không cùng quan điểm sống không hòa hợp lẫn nhau. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn D.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lê Văn D có 02 con chung tên Lê Thị Hằng N, sinh năm 1992; Lê Văn Thế V, sinh năm 1996. Các con đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn D nhiều lần về Thông báo thụ lý, các lần hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với ông Lê Văn D; Về con chung: Các con đã trưởng thành; Tài sản chung và nợ chung bà T xác định không có nên Viện kiểm sát không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn D được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lê Văn D kết hôn vào năm 2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường X, quận K, thành phố Đà Nẵng theo Giấy đăng ký kết hôn số 111/2010, quyển số 01/2009 ngày 06 tháng 9 năm 2010. Đây là hôn nhận hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T trình bày là do tính tình và không cùng quan điểm sống không hòa hợp lẫn nhau, bà xác định không còn tình cảm với ông D. Tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn ông D. Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cải vã nhưng không rõ nguyên nhân mâu thuẫn, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về nội dung yêu cầu xin ly hôn của bà T nhưng ông P vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của Nguyên đơn, điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông D không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà T xác định có 02 con tên Lê Thị Hằng N, sinh năm 1992; Lê Văn Thế V, sinh năm 1996. Các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có ông D không có ý kiến phản hồi nên không đề cập.

[6] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T về tranh chấp "Ly hôn" đối với ông Lê Văn D.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn ông Lê Văn D.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có; ông D không có ý kiến phản hồi nên không đề cập đến.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002420 ngày 10/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- CCTHADS quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- UBND phường Xuân Hà, quận Thanh Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Hằng